

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/2024/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 202...

NGHỊ ĐỊNH

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA CÁC NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH
CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT ĐẦU THẦU**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật số... sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực

Bổ sung Điều 8a và Điều 8b sau Điều 8 như sau:

“Điều 8a. Hồ sơ, quy trình, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt đối với trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 34 của Luật Đấu thầu (được sửa đổi, bổ sung năm 2024)

1. Người có thẩm quyền lập hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ, đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổ chức thẩm định.

2. Hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin cơ bản của dự án;

b) Giải trình về sự cần thiết và lý do không thể đáp ứng điều kiện về lựa chọn nhà đầu tư quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 34 của Luật Đấu thầu, trong đó gồm yêu cầu cần bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, biên giới lãnh thổ

(đối với dự án thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 34 Luật Đầu thầu) hoặc yêu cầu, điều kiện đặc thù về thủ tục đầu tư; thủ tục giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển; phương pháp, tiêu chuẩn đánh giá và nội dung hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh (đối với dự án thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 34 Luật Đầu thầu)

c) Phương án lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt, bao gồm: quy trình, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư; giải pháp cụ thể để giải quyết được các yêu cầu đặc thù, riêng biệt của dự án bảo đảm hiệu quả phương án đầu tư kinh doanh, hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương của dự án.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến của các bộ, cơ quan có liên quan về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó (nếu cần thiết). Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan được lấy ý kiến phải có ý kiến gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

4. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định khoản 3 Điều này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng hình thức lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt (nếu đủ điều kiện) trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Báo cáo thẩm định đánh giá về các nội dung: sự cần thiết; việc đáp ứng hoặc không đáp ứng điều kiện đặc thù; lý do không thể đáp ứng điều kiện về lựa chọn nhà đầu tư quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 34 của Luật Đầu thầu.

5. Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định áp dụng hình thức lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt trên cơ sở hồ sơ trình của người có thẩm quyền của dự án và báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt phải bao gồm trách nhiệm của người có thẩm quyền và các cơ quan liên quan trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà đầu tư; các yêu cầu khác trong quá trình triển khai thực hiện dự án (nếu có).

6. Trên cơ sở Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, người có thẩm quyền xây dựng và phê duyệt phương án lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt gồm những nội dung chủ yếu sau: quy trình, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư; điều kiện ký kết, thực hiện hợp đồng và các nội dung liên quan khác để đáp ứng các điều kiện đặc thù của dự án, bảo đảm lựa chọn được nhà đầu tư có đủ năng lực, kinh nghiệm, giải pháp thực hiện dự án khả thi, hiệu quả.

Điều 8b. Hồ sơ, quy trình, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều 34 của Luật Đầu thầu (được sửa đổi, bổ sung năm 2024)

1. Căn cứ quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực về thủ tục đầu tư; thủ tục giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển; phương pháp, tiêu chuẩn đánh giá và nội dung hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh, cơ quan có thẩm quyền giao bên mời thầu thực hiện:

a) Xác định yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, tư cách hợp lệ đối với nhà đầu tư;

b) Xây dựng phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu, dự thảo hợp đồng theo quy định của Luật Đấu thầu và pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực.

2. Căn cứ báo cáo của bên mời thầu, cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt quy trình, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư và hồ sơ mời thầu, làm cơ sở để bên mời thầu tổ chức lựa chọn nhà đầu tư.”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu

1. Bổ sung khoản 5 Điều 2 như sau:

“5. Hoạt động lựa chọn nhà thầu quy định tại Điều 1 Luật Đấu thầu bao gồm các hình thức mua, thuê, thuê mua.”.

2. Bổ sung các điểm đ và e khoản 1 Điều 18 như sau:

“đ) Nhà thầu rút hồ sơ dự thầu sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu;

e) Nhà thầu không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Bên mời thầu hoặc không nộp tiền mặt, Séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định;

g) Nhà thầu không thực hiện đúng cam kết trong đơn dự thầu.”.

3. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 24 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 24 như sau:

“b) Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt.

Hồ sơ mời thầu được lập sau khi phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc đồng thời với quá trình lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu nhưng bảo đảm hồ sơ mời thầu được phê duyệt sau khi phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu;”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3 Điều 24 như sau:

“d. Có bảo đảm dự thầu với giá trị, thời hạn hiệu lực và đơn vị thụ hưởng đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu. Trường hợp quy định bảo đảm dự thầu theo hình thức nộp thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh thì thư bảo lãnh, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh không vi phạm một trong các trường

hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu của hồ sơ mời thầu, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi phát hành hồ sơ mời thầu, có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên mời thầu. Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có). Đối với gói thầu bảo hiểm, nhà thầu tham dự thầu không được xuất trình giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh do mình phát hành. ***Đối với gói thầu đấu thầu trước quy định tại Điều 42 Luật Đấu thầu (được sửa đổi, bổ sung năm 2024), nhà thầu không phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu nhưng phải cam kết trong đơn dự thầu về trách nhiệm tham dự thầu.***”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 25 như sau:

“1. Hồ sơ mời thầu phải được thẩm định theo quy định tại Điều 129 của Nghị định này trước khi phê duyệt. ***Đối với gói thầu xây lắp, hỗn hợp có giá gói thầu không quá 20 tỷ đồng, gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng, chủ đầu tư quyết định việc thẩm định hồ sơ mời thầu. Trường hợp cần thẩm định hồ sơ mời thầu theo yêu cầu của chủ đầu tư, việc thẩm định thực hiện theo quy định tại Điều 129 của Nghị định này trước khi phê duyệt hồ sơ mời thầu.***”.

5. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 Điều 30 như sau:

“b) Nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật được xem xét đánh giá về tài chính theo phương pháp giá thấp nhất hoặc giá đánh giá. Nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có) trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) ***và xác định ưu đãi (nếu có)*** thấp nhất (đối với phương pháp giá thấp nhất) hoặc có giá đánh giá thấp nhất (đối với phương pháp giá đánh giá) được xếp hạng thứ nhất. Thư giảm giá không được công khai trong biên bản mở thầu sẽ không được xem xét, đánh giá.

Trường hợp chỉ có một nhà thầu đạt yêu cầu về kỹ thuật thì không phải xác định danh sách xếp hạng nhà thầu. Chủ đầu tư không phải phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu.”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 37 như sau:

“1. Hồ sơ mời thầu phải được thẩm định theo quy định tại Điều 129 của Nghị định này trước khi phê duyệt. ***Đối với gói thầu xây lắp, hỗn hợp có giá gói thầu không quá 20 tỷ đồng, gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng, chủ đầu tư quyết định việc thẩm định hồ sơ mời thầu. Trường hợp cần thẩm định hồ sơ mời thầu theo yêu cầu của chủ đầu tư,***

việc thẩm định thực hiện theo quy định tại Điều 129 của Nghị định này trước khi phê duyệt hồ sơ mời thầu.”.

7. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 61 như sau:

“b) Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt.

Hồ sơ mời thầu được lập sau khi phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc đồng thời với quá trình lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu nhưng bảo đảm hồ sơ mời thầu được phê duyệt sau khi phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu;”.

8. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 76 như sau:

“a) Lập hồ sơ yêu cầu:

Hồ sơ yêu cầu được lập sau khi phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc đồng thời với quá trình lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu nhưng bảo đảm hồ sơ yêu cầu được phê duyệt sau khi phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

Nội dung hồ sơ yêu cầu bao gồm: thông tin tóm tắt về dự án, dự toán mua sắm, gói thầu; chỉ dẫn việc chuẩn bị và nộp hồ sơ đề xuất; tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu; tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật; xác định giá chỉ định thầu; điều kiện về hợp đồng.

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để đánh giá về năng lực, kinh nghiệm và đánh giá về kỹ thuật. Hồ sơ yêu cầu được nêu rõ ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ cụ thể của hàng hóa, các yêu cầu về kỹ thuật, dịch vụ có liên quan (nếu có);”.

9. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 77 như sau:

“a) Lập hồ sơ yêu cầu:

Hồ sơ yêu cầu được lập sau khi phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc đồng thời với quá trình lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu nhưng bảo đảm hồ sơ yêu cầu được phê duyệt sau khi phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

Nội dung hồ sơ yêu cầu bao gồm: thông tin tóm tắt về dự án, dự toán mua sắm, gói thầu; chỉ dẫn việc chuẩn bị và nộp hồ sơ đề xuất; tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu; tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật, xác định giá thấp nhất; điều kiện về hợp đồng.

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để đánh giá về năng lực, kinh nghiệm và đánh giá về kỹ thuật. Hồ sơ yêu cầu được nêu rõ ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ cụ thể của hàng hóa, các yêu cầu về kỹ thuật, dịch vụ có liên quan (nếu có);”.

10. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 79 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 79 như sau:

“b) Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu:

Chủ đầu tư quyết định việc thẩm định hồ sơ mời thầu. Trường hợp cần thẩm định hồ sơ mời thầu theo yêu cầu của chủ đầu tư, việc thẩm định thực hiện theo quy định tại Điều 129 của Nghị định này trước khi phê duyệt hồ sơ mời thầu. Việc phê duyệt hồ sơ mời thầu căn cứ vào tờ trình phê duyệt, báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu (nếu có);”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 3 Điều 79 như sau:

“đ) Việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định trong hồ sơ mời thầu. Nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) **và xác định ưu đãi (nếu có)** thấp nhất đối với phương pháp giá thấp nhất hoặc có giá đánh giá thấp nhất đối với phương pháp giá đánh giá được xếp hạng thứ nhất.”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 79 như sau:

“4. Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu:

Chủ đầu tư quyết định việc thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu. Trường hợp cần thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu theo yêu cầu của chủ đầu tư, việc trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại Điều 31 của Nghị định này.”

11. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 80 như sau:

“a) Lập hồ sơ yêu cầu:

Hồ sơ yêu cầu được lập sau khi phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc đồng thời với quá trình lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu nhưng bảo đảm hồ sơ yêu cầu được phê duyệt sau khi phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

Hồ sơ yêu cầu bao gồm các nội dung thông tin tóm tắt về dự án, dự toán mua sắm, gói thầu; yêu cầu nhà thầu cập nhật thông tin về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm; yêu cầu về tiến độ cung cấp và cam kết cung cấp hàng hóa bảo đảm quy cách kỹ thuật, chất lượng theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu trước đó; yêu cầu về đơn giá của hàng hóa và các nội dung cần thiết khác.

Trường hợp áp dụng mua sắm trực tiếp với nhà thầu khác theo quy định tại khoản 3 Điều 25 của Luật Đấu thầu, hồ sơ yêu cầu bao gồm tiêu chuẩn đánh giá về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, kỹ thuật theo quy định tại Điều 24 của Nghị định này;”.

12. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 82 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 82 như sau:

“2. Đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 29 của Luật Đấu thầu:

a) Cơ quan, đơn vị được Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương (sau đây gọi là Thủ trưởng cơ quan trung ương), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao lập hồ sơ trình Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định phương án lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt;

b) Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cơ quan, đơn vị trực thuộc thẩm định và lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao về các yếu tố cần bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, biên giới lãnh thổ đối với gói thầu, dự án, dự toán mua sắm; ý kiến của các cơ quan liên quan khác (nếu cần thiết) trước khi xem xét, quyết định;

c) Hồ sơ trình bao gồm tờ trình và các văn bản, tài liệu liên quan. Tờ trình về lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt bao gồm những nội dung: thông tin cơ bản về dự án, dự toán mua sắm, gói thầu (tên dự án, dự toán mua sắm, gói thầu; nguồn vốn, tổng mức đầu tư của dự án, giá trị dự toán mua sắm, giá gói thầu; thời gian dự kiến thực hiện; các nội dung cần thiết khác); giải trình về sự cần thiết và điều kiện đặc thù về các yếu tố cần bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, biên giới lãnh thổ dẫn đến không thể đáp ứng điều kiện về lựa chọn nhà thầu quy định tại các Điều 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27 và 28 của Luật Đấu thầu; dự thảo phương án lựa chọn nhà thầu gồm những nội dung chủ yếu sau: quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu; điều kiện ký kết, thực hiện hợp đồng và các nội dung liên quan khác để đáp ứng các điều kiện đặc thù của gói thầu, dự án, bảo đảm lựa chọn được nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm, giải pháp thực hiện khả thi, hiệu quả.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 82 như sau:

“3. Đối với trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 29 của Luật Đấu thầu:

a) Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổ chức thẩm định;

b) Hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ gồm tờ trình và các văn bản, tài liệu liên quan. Tờ trình về lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt bao gồm những nội dung: thông tin cơ bản về dự án, dự toán mua sắm, gói thầu (tên dự án, dự toán mua sắm, gói thầu; nguồn vốn, tổng mức đầu tư của dự án, giá trị dự toán mua sắm, giá gói thầu; thời gian dự kiến thực hiện; các nội dung cần thiết khác); giải trình về sự cần thiết và điều kiện đặc thù đối với một hoặc một số nội dung về quy trình, thủ tục, tiêu chí lựa chọn nhà thầu, điều kiện ký kết, thực hiện hợp đồng, điều kiện khác (nếu có) dẫn đến không thể đáp ứng điều kiện về lựa chọn nhà thầu quy định tại các Điều 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27 và 28

của Luật Đấu thầu;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại điểm b khoản này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến của các bộ, cơ quan có liên quan về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó (nếu cần thiết). Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan được lấy ý kiến phải có ý kiến gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

d) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại điểm b khoản này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt (nếu đủ điều kiện) trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Báo cáo thẩm định đánh giá về các nội dung: sự cần thiết; việc đáp ứng hoặc không đáp ứng điều kiện đặc thù; lý do không thể đáp ứng điều kiện về lựa chọn nhà thầu quy định tại các Điều 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27 và 28 của Luật Đấu thầu;

đ) Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt trên cơ sở hồ sơ trình của Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt bao gồm: gói thầu thuộc dự án, dự toán mua sắm được áp dụng lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt; trách nhiệm của người có thẩm quyền, chủ đầu tư, bên mời thầu và các cơ quan liên quan trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu; các yêu cầu khác trong quá trình triển khai thực hiện gói thầu, dự án (nếu có).

e) Trên cơ sở Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng và phê duyệt phương án lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt để đáp ứng các điều kiện đặc thù của gói thầu, dự án đối với một hoặc một số nội dung về quy trình, thủ tục, tiêu chí lựa chọn nhà thầu, điều kiện ký kết, thực hiện hợp đồng, điều kiện khác (nếu có), bảo đảm lựa chọn được nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm, giải pháp thực hiện khả thi, hiệu quả.”.

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 và tên của Điều 83 như sau:

a) Sửa đổi tên Điều 83 như sau:

“Điều 83. Hồ sơ, quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt đối với trường hợp quy định tại các điểm d, đ, e, g, h, **h1, h2, h3 và h4** khoản 1 Điều 29 của Luật Đấu thầu (được sửa đổi, bổ sung năm 2024)”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 83 như sau:

“4. Đối với trường hợp quy định tại các điểm đ, e, g, h, ***h1, h2, h3 và h4*** khoản 1 Điều 29 của Luật Đấu thầu (***được sửa đổi, bổ sung năm 2024***), trừ gói thầu quy định tại khoản 5 Điều này, quy trình lựa chọn nhà thầu gồm các bước:

a) Lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu. ***Đối với gói thầu thẩm định giá tài sản liên quan đến các vụ án hình sự cần thực hiện gấp theo yêu cầu của cơ quan điều tra, Hội đồng định giá tài sản theo quy định của pháp luật về tổ tụng hình sự phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu;***

b) Thương thảo hợp đồng với nhà thầu được xác định có đủ năng lực, kinh nghiệm;

c) Phê duyệt, công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;

d) Hoàn thiện, ký kết hợp đồng với nhà thầu:

Hợp đồng phải bao gồm đầy đủ các nội dung liên quan đến yêu cầu về phạm vi, nội dung công việc cần thực hiện, thời gian thực hiện, chất lượng công việc cần đạt được và giá trị hợp đồng;

đ) Việc đăng tải thông tin về kế hoạch lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu và các thông tin về đấu thầu khác được thực hiện theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Luật Đấu thầu.”.

14. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 97 như sau:

“2. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự thầu thực hiện theo quy định tại các Điều 23, 24, 35, 36, 60 và 61 của Nghị định này. ***Đối với nội dung đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ dự thầu, nhà thầu phải đáp ứng yêu cầu không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống.***”.

15. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 98 như sau:

“a) Gói thầu mua sắm hàng hóa, cung cấp dịch vụ phi tư vấn có giá trị không quá 500 triệu đồng đối với dự toán mua sắm;”.

16. Sửa đổi khoản 6 Điều 101 như sau:

“6. Trình, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu:

Việc trình, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại Điều 31 của Nghị định này.”.

17. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 131 như sau:

a) Bổ sung khoản 28a sau khoản 28 Điều 131 như sau:

“28a. Đối với gói thầu áp dụng đấu thầu trước quy định tại Điều 42 Luật

Đấu thầu (được sửa đổi, bổ sung năm 2024), trường hợp dự án được phê duyệt có các nội dung làm thay đổi căn bản khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã ghi trong hồ sơ mời thầu đã phát hành thì chủ đầu tư hủy thầu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 17 Luật Đấu thầu. Trường hợp không làm thay đổi căn bản khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã ghi trong hồ sơ mời thầu đã phát hành và gói thầu đã lựa chọn được nhà thầu trúng thầu thì chủ đầu tư được sửa đổi, bổ sung khối lượng công việc vào hợp đồng ký với nhà thầu.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 29 Điều 131 như sau:

“29. Ngoài trường hợp quy định từ khoản 1 đến khoản 28a Điều này, khi phát sinh tình huống, chủ đầu tư xem xét, quyết định xử lý tình huống trên cơ sở bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách nhiệm giải trình.”.

18. Bổ sung khoản 2a và 2b sau khoản 2 Điều 135 như sau:

“2a) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan quản lý ngành liên quan để ban hành quy định về mức lương của các loại chuyên gia tư vấn trong nước, làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 của Nghị định này.

2b) Trường hợp gói thầu có tính chất đặc thù, nhà thầu nước ngoài được chỉ định thầu hoặc lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt yêu cầu ràng buộc chỉ ký hợp đồng khi không phải đăng ký trên Hệ thống thì khi đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu, chủ đầu tư không cần yêu cầu nhà thầu nước ngoài đăng ký.”.

Điều 3. Thay thế, bãi bỏ một số quy định của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu

1. Bãi bỏ khoản 1 và khoản 2 Điều 83.

2. Thay cụm từ “*Phạm vi công việc thiết kế trong gói thầu EPC, EP, EC thuộc dự án đầu tư xây dựng quy định tại khoản này có thể là thiết kế FEED hoặc thiết kế cơ sở; không hình thành gói thầu EPC, EP, EC khi đã có thiết kế kỹ thuật hoặc công trình thiết kế hai bước theo quy định của pháp luật về xây dựng*” bằng cụm từ “*Việc hình thành gói thầu EPC, EP, EC có thể căn cứ vào thiết kế cơ sở, thiết kế FEED; trường hợp căn cứ thiết kế kỹ thuật thì không hình thành gói thầu EPC, EP, EC*” tại khoản 3 Điều 3.

3. Thay cụm từ “*trường hợp có nhiều hơn 01 báo giá thì lấy giá trung bình của các báo giá*” bằng cụm từ “*trường hợp có nhiều hơn 01 báo giá thì được lấy giá trung bình của các báo giá*” tại điểm d khoản 2 Điều 16.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất

Bổ sung Điều 9a và Điều 9b sau Điều 9 như sau:

“Điều 9a. Hồ sơ, quy trình, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt đối với trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 34 của Luật Đấu thầu (được sửa đổi, bổ sung năm 2024)

1. Người có thẩm quyền lập hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ, đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổ chức thẩm định.

2. Hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin cơ bản của dự án;

b) Giải trình về sự cần thiết và lý do không thể đáp ứng điều kiện về lựa chọn nhà đầu tư quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 34 của Luật Đấu thầu, trong đó gồm yêu cầu cần bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, biên giới lãnh thổ (đối với dự án thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 34 Luật Đấu thầu) hoặc yêu cầu, điều kiện đặc thù về thủ tục đầu tư; thủ tục giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển; phương pháp, tiêu chuẩn đánh giá và nội dung hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh (đối với dự án thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 34 Luật Đấu thầu)

c) Phương án lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt, bao gồm: quy trình, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư; giải pháp cụ thể để giải quyết được các yêu cầu đặc thù, riêng biệt của dự án bảo đảm hiệu quả phương án đầu tư kinh doanh, hiệu quả sử dụng đất hoặc hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương của dự án.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến của các bộ, cơ quan có liên quan về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó (nếu cần thiết). Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan được lấy ý kiến phải có ý kiến gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

4. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định khoản 3 Điều này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng hình thức lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt (nếu đủ điều kiện) trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Báo cáo thẩm định đánh giá về các nội dung: sự cần thiết; việc đáp

ứng hoặc không đáp ứng điều kiện đặc thù; lý do không thể đáp ứng điều kiện về lựa chọn nhà đầu tư quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 34 của Luật Đấu thầu.

5. Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định áp dụng hình thức lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt trên cơ sở hồ sơ trình của người có thẩm quyền của dự án và báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt phải bao gồm trách nhiệm của người có thẩm quyền và các cơ quan liên quan trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà đầu tư; các yêu cầu khác trong quá trình triển khai thực hiện dự án (nếu có).

6. Trên cơ sở Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, người có thẩm quyền xây dựng và phê duyệt phương án lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt gồm những nội dung chủ yếu sau: quy trình, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư; điều kiện ký kết, thực hiện hợp đồng và các nội dung liên quan khác để đáp ứng các điều kiện đặc thù của dự án, bảo đảm lựa chọn được nhà đầu tư có đủ năng lực, kinh nghiệm, giải pháp thực hiện dự án khả thi, hiệu quả.

Điều 9b. Hồ sơ, quy trình, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều 34 của Luật Đấu thầu (được sửa đổi, bổ sung năm 2024)

1. Căn cứ quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực về thủ tục đầu tư; thủ tục giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển; phương pháp, tiêu chuẩn đánh giá và nội dung hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh, cơ quan có thẩm quyền giao bên mời thầu thực hiện:

a) Xác định yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, tư cách hợp lệ đối với nhà đầu tư;

b) Xây dựng phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu, dự thảo hợp đồng theo quy định của Luật Đấu thầu và pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực.

2. Căn cứ báo cáo của bên mời thầu, cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt quy trình, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư và hồ sơ mời thầu, làm cơ sở để bên mời thầu tổ chức lựa chọn nhà đầu tư.”

Điều 5. Quy định chuyên tiếp

1. Các gói thầu lựa chọn nhà thầu đã phê duyệt và phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục tổ chức lựa chọn danh sách ngắn, lựa chọn nhà thầu, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng theo quy định của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15, Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

2. Đối với gói thầu đã phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu nhưng đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà chưa phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, trường hợp kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã phê duyệt không phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu và Nghị định này thì phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu để phù hợp với quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu và Nghị định này.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2).

TM. CHÍNH PHỦ